

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/DS-ST
Ngày 21-02-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN - TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Xuân Quý

Bà Lương Thị Mỹ Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Mai Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 58/2021/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-DS ngày 10-01-2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST-DS ngày 28-01-2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Dương Văn H, sinh năm 1972; trú tại: Số X, đường B, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Bị đơn: Ông Dương Mạnh C, sinh năm 1973 và bà Hoàng Thị H, sinh năm 1970; cùng trú tại: Số Y, đường T, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; cả hai đều vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Vũ Thị L, sinh năm 1974; trú tại: Số X, đường B, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01-7-2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 14-10-2021, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa nguyên đơn ông Dương Văn H trình bày: Ngày 23-5-2019 vợ chồng ông Dương Mạnh C và bà Hoàng Thị H cùng trú tại số nhà Y, đường T, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn có vay

của vợ chồng ông Dương Văn H và bà Vũ Thị L số tiền 3.000.000.000đ (ba tỷ đồng) và để lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 203240 cấp ngày 18-9-2013 để làm tin, hẹn 10 ngày sau sẽ trả đủ số tiền đã vay. Ông Dương Mạnh C có viết giấy vay nợ, có đủ chữ ký của ông Dương Mạnh C và bà Hoàng Thị H. Ngày 28-5-2019 ông Dương Mạnh C mượn lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên để làm thủ tục góp thửa. Ngày 20-6-2019 ông Dương Mạnh C thế chấp cho vợ chồng ông Dương Văn H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 630371 để thay sổ cũ. Sau đó, vợ chồng ông Dương Mạnh C, bà Hoàng Thị H không trả nợ như đã hẹn, vợ chồng ông Dương Văn H, bà Vũ Thị L đã tìm gặp vợ chồng ông Dương Mạnh C bà Hoàng Thị H nhiều lần nhưng không gặp được. Đến ngày 15-4-2020 ông Dương Văn H mới gặp được vợ chồng ông Dương Mạnh C, vợ chồng ông Dương Mạnh C viết một Giấy vay nợ khác, thay thế Giấy vay nợ ngày 23-5-2019, trong đó ghi vợ chồng ông Dương Mạnh C và bà Hoàng Thị H vay của ông Dương Văn H và bà Vũ Thị L số tiền 3.000.000.000đ (ba tỷ đồng), thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 630371 cấp ngày 19-9-2007, gia hạn ngày 15-4-2020, trường hợp ông Dương Mạnh C không trả nợ được cho vợ chồng ông Dương Văn H, bà Vũ Thị L thì mảnh đất trên thuộc ông Dương Văn H, bà Vũ Thị L. Sau đó, vợ chồng ông Dương Mạnh C, bà Hoàng Thị H không trả được nợ cho vợ chồng ông Dương Văn H, bà Vũ Thị L, khi ông Dương Văn H tìm gặp ông Dương Mạnh C đòi nợ thì bị tấn công bằng bạo lực. Vì vậy, ông Dương Văn H khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Dương Mạnh C, bà Hoàng Thị H phải thanh toán khoản nợ cho vợ chồng ông bao gồm 3.000.000.000đ (ba tỷ đồng) nợ gốc và tiền lãi tính đến thời điểm khởi kiện là 486.000.000đ (bốn trăm tám mươi sáu triệu đồng). Trường hợp ông Dương Mạnh C, bà Hoàng Thị H không trả được nợ thì đề nghị Tòa án tuyên ông có quyền xử lý tài sản thế chấp, chuyển quyền sử dụng thửa đất ông Dương Mạnh C đã thế chấp cho vợ chồng ông là thửa số 108b, tờ bản đồ số 17, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 630371 ngày 19-9-2017, gia hạn ngày 15-4-2020 sang tên ông Dương Văn H.

Tại bản khai đề ngày 10-11-2021, bị đơn, ông Dương Mạnh C trình bày: Ông có vay vợ chồng ông Dương Văn H, bà Vũ Thị L số tiền 3.000.000.000đ (ba tỷ đồng) với thời hạn 03 tháng, lãi suất 1.500đ/1.000.000đ/01 ngày và thế chấp quyền sử dụng thửa đất số 108b, tờ bản đồ số 17 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Dương Mạnh C. Đến nay ông Dương Mạnh C không có khả năng trả nợ cho vợ chồng ông Dương Văn H nên nhất trí để ông Dương Văn H được quyền sử dụng thửa đất trên, ông Dương Mạnh C sẽ có trách nhiệm sang tên thửa đất cho ông Dương Văn H.

Tại bản khai đề ngày 10-11-2021, bị đơn, bà Hoàng Thị H trình bày: Khoảng tháng 5 năm 2019 vợ chồng bà có vay ông Dương Văn H 3.000.000.000đ (ba tỷ đồng) để đảo nợ ngân hàng với thời hạn vay là 03 tháng, nếu không trả được nợ thì ông Dương Văn H được phép lấy sổ đỏ để trừ nợ. Do tình hình dịch bệnh Covid và các công trình chưa có nguồn để thanh toán cho công ty của ông Dương Mạnh C nên đến giờ vợ chồng bà không có khả năng trả nợ. Vì vậy, bà nhất trí để ông Dương Văn H có quyền sử dụng thửa đất mà ông Dương Mạnh C đã thế chấp cho ông Dương Văn H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Vũ Thị L trình bày: Ngày 23-5-2019 vợ chồng bà có cho vợ chồng ông Dương Mạnh C, bà Hoàng Thị H vay số tiền 3.000.000.000đ (ba tỷ đồng) lấy tiền làm 02 lần, buổi sáng lấy 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng), buổi chiều lấy 1.000.000.000đ (một tỷ đồng). Ông Dương Mạnh C trực tiếp viết Giấy vay tiền ngày 23-5-2019, có chữ ký của ông Dương Mạnh C, bà Hoàng Thị H. Ông Dương Mạnh C nói vay trong thời gian 10 ngày sẽ trả, không thỏa thuận gì về lãi suất, đồng thời ông Dương Mạnh C giao lại cho vợ chồng bà một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 203240 cấp ngày 18-9-2013 để làm tin. Ngày 28-5-2019 ông Dương Mạnh C mượn lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên để làm thủ tục góp thửa, đến ngày 20-6-2019 ông Dương Mạnh C mang sang cho vợ chồng bà một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khác để làm tin, số CI 630371, cấp ngày 19-9-2017 cho ông Dương Mạnh C và bà Hoàng Thị H, thửa 108b, tờ bản đồ số 17, địa chỉ thửa đất tại thôn R, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, diện tích 954m². Tiền cho vợ chồng ông Dương Mạnh C vay là tiền chung của hai vợ chồng ông Dương Văn H, bà Vũ Thị L. Đến nay vợ chồng ông Dương Mạnh C, bà Hoàng Thị H chưa thanh toán được cho vợ chồng ông, bà một đồng nào. Bà nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn H.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng do ông Dương Mạnh C, bà Hoàng Thị H vắng mặt hai lần nên không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã thực hiện việc thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản lãi 486.000.000đ (bốn trăm tám mươi sáu triệu đồng) và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đối với thửa 108b, tờ bản đồ số 17, địa chỉ tại thôn R, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc buộc vợ chồng ông Dương Mạnh C, bà Hoàng Thị H thanh toán khoản nợ gốc 3.000.000.000đ (ba tỷ đồng) cho vợ chồng ông Dương Văn H, bà Vũ Thị L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị L nhất trí với yêu cầu khởi kiện cũng như việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn H, không có ý kiến gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đầy đủ, hợp pháp. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án và các đương sự: trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách của người tham gia tố tụng, thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu trong thời hạn quy định. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành các quy định của pháp luật trong quá

trình giải quyết vụ án. Bị đơn không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án.

Về việc giải quyết vụ án: Việc khởi kiện của ông Dương Văn H là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 26, 35, 36, 39, 147, 144, 217 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn H về việc buộc vợ chồng ông Dương Mạnh C và Hoàng Thị H có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho vợ chồng ông Dương Văn H, bà Vũ Thị L số tiền nợ gốc 3.000.000.000đ (ba tỷ đồng). Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn H về việc buộc vợ chồng ông Dương Mạnh C, bà Vũ Thị L thanh toán khoản lãi 486.000.000đ (bốn trăm tám mươi sáu triệu đồng) và yêu cầu khởi kiện xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa 108b, tờ bản đồ số 17, địa chỉ tại thôn R, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Về án phí buộc ông Dương Mạnh C và bà Hoàng Thị H phải liên đới chịu 92.000.000đ (chín mươi hai triệu đồng) tiền án phí theo quy định của pháp luật, hoàn trả ông Dương Văn H tiền tạm ứng án phí đã nộp. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, ý kiến của nguyên đơn, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ngày 23-5-2019 vợ chồng ông Dương Mạnh C và bà Hoàng Thị H viết giấy vay tiền, vay của vợ chồng ông Dương Văn H, bà Vũ Thị L số tiền 3.000.000.000 đồng, giấy vay tiền không thể hiện nội dung thỏa thuận về thời hạn vay và lãi suất. Đến ngày 15-4-2020 vợ chồng ông Dương Mạnh C, bà Hoàng Thị H viết một giấy vay tiền khác thay thế giấy vay tiền ngày 23-5-2019. Do ông Dương Mạnh C và bà Hoàng Thị H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ông Dương Văn H khởi kiện yêu cầu ông Dương Mạnh C và bà Hoàng Thị H phải thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi theo quy định. Tranh chấp phát sinh giữa các đương sự xuất phát từ hợp đồng vay tài sản (giấy vay tiền). Vì vậy xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn theo Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Dương Mạnh C và bà Hoàng Thị H đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Tòa án đã đến nơi cư trú của ông Dương Mạnh C, bà Hoàng Thị H làm việc nhưng không gặp được ông Dương Mạnh C, bà Hoàng Thị H. Do vậy Tòa án không lấy được lời khai của ông Dương Mạnh C, bà Hoàng Thị H. Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú và thực hiện việc niêm yết theo quy định. Tại phiên tòa vắng mặt ông Dương Mạnh C, bà Hoàng Thị H, đây là phiên tòa mở lần thứ hai, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227,

khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với ông Dương Mạnh C và bà Hoàng Thị H.

[3] Về áp dụng pháp luật giải quyết trong vụ án: Quan hệ vay tài sản giữa ông Dương Văn H, bà Vũ Thị L và ông Dương Mạnh C và bà Hoàng Thị H phát sinh từ năm 2019, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 01-7-2021 ông Dương Văn H làm đơn khởi kiện đến Tòa án. Vì vậy, pháp luật được áp dụng để giải quyết vụ án là Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung vụ án: Theo Giấy vay tiền ngày 23-5-2019, Giấy vay tiền ngày 15-4-2020 có nội dung ông Dương Văn H, bà Vũ Thị L cho ông Dương Mạnh C và bà Hoàng Thị H vay số tiền là 3.000.000.000 đồng, không thỏa thuận về lãi suất và thời hạn vay, văn bản thỏa thuận có chữ ký của ông Dương Mạnh C và bà Hoàng Thị H. Vì vậy việc ông Dương Văn H cho ông Dương Mạnh C và bà Hoàng Thị H vay tiền là có căn cứ, ông Dương Mạnh C và bà Hoàng Thị H cũng thừa nhận nội dung này.

[5] Đối với lãi suất của khoản vay, theo bản khai của ông Dương Mạnh C thể hiện lãi suất của khoản vay là 1.500đ/1.000.000đ/01 tháng và ông Dương Mạnh C đã trả được 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) tiền lãi. Tuy nhiên, đó là lời trình bày một phía của ông Dương Mạnh C, ông Dương Văn H không thừa nhận và ông Dương Mạnh C không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh nội dung trên. Căn cứ giấy vay tiền ngày 23-5-2019 và giấy vay tiền ngày 15-4-2020 thể hiện hai bên không có thỏa thuận về lãi suất. Do đó, xác định đây là khoản vay không có lãi.

[6] Về thời hạn trả nợ, lời trình bày của các bên có mâu thuẫn, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho rằng thời hạn trả nợ là 10 ngày kể từ ngày vay, còn bị đơn cho rằng, thời hạn trả nợ là 03 tháng. Do các bên đều không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời khai của mình, căn cứ vào giấy vay tiền ngày 23-5-2019 và giấy vay tiền ngày 15-4-2020 có cơ sở để khẳng định quan hệ vay nợ giữa vợ chồng ông Dương Mạnh C, bà Hoàng Thị H và vợ chồng ông Dương Văn H, bà Vũ Thị L không là hợp đồng vay không có kỳ hạn.

[7] Theo quy định tại khoản 1 Điều 469 thì "Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác".

[8] Căn cứ bản khai của ông Dương Mạnh C và bà Hoàng Thị H thể hiện ông bà không có khả năng trả nợ và nhất trí để vợ chồng ông Dương Văn H, bà Vũ Thị L được sử dụng thửa đất mà vợ chồng ông bà đã thế chấp. Như vậy, vợ chồng ông Dương Mạnh C, bà Hoàng Thị H nhất trí với việc đòi nợ của vợ chồng ông Dương Văn H, bà Vũ Thị L, không có ý kiến khác.

[9] Do đó, có căn cứ buộc vợ chồng ông Dương Mạnh C, bà Hoàng Thị H phải thanh toán cho vợ chồng ông Dương Văn H, bà Vũ Thị L số tiền nợ gốc là 3.000.000.000đ (ba tỷ đồng). Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm trả thì phải trả

lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[10] Về yêu cầu tính lãi: Tại phiên tòa nguyên đơn rút yêu cầu này. Việc đương sự rút yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi này theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[11] Đối với yêu cầu khởi kiện về việc xử lý tài sản thế chấp, nếu vợ chồng ông Dương Mạnh C, bà Hoàng Thị H không thanh toán được nợ thì chuyển quyền sử dụng thửa đất số 108b, tờ bản đồ số 17, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 630371 ngày 19-9-2017, gia hạn ngày 15-4-2020 sang tên ông Dương Văn H, tại phiên tòa nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện này. Việc đương sự rút yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[12] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện đối với khoản nợ gốc 3.000.000.000đ (ba tỷ đồng) của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Dương Mạnh C và bà Hoàng Thị H phải liên đới chịu án phí trên số tiền 3.000.000.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Cụ thể là $72.000.000 \text{ đồng} + (2\% \times 1.000.000.000) = 92.000.000 \text{ đồng}$. Ông Dương Văn H không phải chịu án phí, hoàn trả cho ông Dương Văn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[13] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[14] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 144, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn H. Buộc ông Dương Mạnh C và bà Hoàng Thị H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Dương Văn H, bà Vũ Thị L số tiền nợ gốc là 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc vợ chồng ông Dương Mạnh C, bà Hoàng Thị H trả khoản lãi 486.000.000đ (bốn trăm tám mươi sáu triệu đồng) và yêu cầu khởi kiện xử lý tài sản thế chấp đối với quyền sử dụng đất thửa 108b, tờ bản đồ số 17, địa chỉ thửa đất tại thôn R, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 630371 ngày 19-9-2017, gia hạn ngày 15-4-2020 cho ông Dương Mạnh C và bà Hoàng Thị H.

3. Về án phí và quyền kháng cáo

3.1. Về án phí: Ông Dương Mạnh C và bà Hoàng Thị H phải liên đới chịu 92.000.000 đồng (chín mươi hai triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung công quỹ nhà nước. Hoàn trả cho ông Dương Văn H 50.860.000 đồng (năm mươi triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2021/0000620 ngày 18-10-2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

3.2. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP Lạng Sơn;
- Chi cục THADS TP Lạng Sơn;
- Các đương sự;
-;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Tạ Thị Nhàn